|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ  **TỔ: SINH HỌC - KTCN** | **KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**  **NĂM HỌC 2019 – 2020**  **Môn: SINH HỌC – Khối lớp 12**  **Thời gian làm bài: 45 phút** |

| CHỦ ĐỀ | MỨC  NHẬN BIẾT | MỨC  THÔNG HIỂU | MỨC  VẬN DỤNG THẤP | MỨC  VẬN DỤNG CAO |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề 1:**  - Nguồn gốc sự sống  **-**  sự phát sinh sự sống  - Sự phát sinh loài người | - Liệt kê được các giai đoạn phát sinh sự sống, mô tả được kết quả của từng giai đoạn  - Liệt kê được các đại địa chất, mô tả được đăc điểm của sinh vật trong từng đại  - Liệt kê được các dạng vượn người hóa thạch | - Giải thích được bằng chứng nguồn gốc động vật của loài người  - Giải thích được vai trò của tiến hóa văn hóa trong giai đoạn phát sinh người hiện đại |  |  |
| 4 câu=1,25 điểm | 3 câu=0,9375 điểm | 1 c âu=0,3125 điểm |  |  |
| **Chủ đề 2:**  **-** Môi trường và nhân tố sinh thái  - Quần thể và các mối quan hệ  **-** Các đặc trưng cơ bản của quần thể | - Khái niệm giới hạn sinh thái  - Liệt kê được các khoảng giá trị của giới hạn sinh thái  - Phân biệt các đặc trưng cơ bản của qt.  - Khái niệm kích thước quần thể, những yếu tố ảnh hưởng tới kích thước của qt. | - Phân biệt nơi ở với ổ sinh thái.  - Phân biệt quần thể và tập hợp các cá thể ngẫu nhiên  - Phân tích và đề xuất biện pháp bảo vệ quần thể, góp phần bảo vệ môi trường.  - Giải thích các vấn đề liên quan trong sản xuất nông nghiệp. Khai thác, đánh bắt hợp lí | - Vận dụng giới hạn sinh thái vào chăn nuôi, trồng trọt  - Vận dụng vào thực tiễn nuôi trồng hợp lí, đúng mật độ giảm sự cạnh tranh quá mức.  - Vận dụng kiến thức của bài học vào giải thích các vấn đề có liên quan trong sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường | - Ý nghĩa của việc nghiên cứu các đặc trưng cơ bản của quần thể trong thực tế đời sống. |
| 10 câu= 3,125 điểm | 3 câu= 0,9375 điểm | 4 câu=1,25 điẻm | 2 câu=0,625 điểm | 1 câu= 0,3125 điểm |
| **Chủ đề 3:**  - Quần xã sinh vật  **-** Hệ sinh thái  - Trao đổi chất trong HST  - Chu trình sinh địa hóa  - Dòng năng lượng trong HST | - Nêu được khái niệm về quần xã SV  - Mô tả được các đặc trưng cơ bản của quần xã sinh vật.  - Trình bày được khái niệm quan hệ hỗ trợ và đối kháng giữa các loài.  - Liệt kê được các chu trình sinh địa hóa cơ bản  - Nêu được khái niệm HST  - Trình bày được các thành phần cấu trúc HST  - Nêu được các đặc điểm của HST  -Nêu được khái niệm về chuỗi thức ăn, lưới thức ăn  - Mô tả được các bậc dinh dưỡng trong một quần xã sinh vật  - Nêu được các hình thức phân không đều của bố ánh sáng mặt trời trên trái đất  - Mô tả được dòng năng lượng trong HS  - Nêu được khái niệm của hiện tượng khống chế sinh học | - Phân biệt được các mối quan hệ giữa các loài trong quần xã, lấy ví dụ.  - Phân tích được nguyên nhân, ý nghĩa của sự phân bố cá thể trong không gian quần xã  - Phân biệt được các thành phần cấu trúc HST  - Thiết lập được các chuỗi, lưới thức ăn trong quần xã  - Phân biệt được bậc dinh dưỡng với bậc SVTT  - Phân biệt được các loại chuỗi thức ăn trong quần xã  - Giải thích được vai trò của từng thành phần (SVSX,SVTT,SVPG) trong việc truyền năng lượng trong HST  - Tóm tắt được con đường truyền năng lượng trong HST  - Chỉ ra được sự khác nhau giữa trao đổi vật chất và trao đổi năng lượng  - Sự khác nhau giữa chuỗi thức ăn và lưới thức ăn | - Giải thích được 3 giai đoạn trong các chu trình sinh địa hóa  - Giải thích được hiện tượng hiệu ứng nhà kính, biện pháp khắc phục  - Giải thích được nguyên nhân gây thất thoát nguồn đạm trong đất, cách khắc phục  - Vận dụng kiến thức của bài học vào giải thích các vấn đề có liên đến môi trường (hiệu ứng nhà kính, lũ lụt, hạn hán, ô nhiễm nguồn nước...)  - Giải thích được vì sao 1 chuỗi thức ăn thường không vượt quá 6 bậc dinh dưỡng  - Giải thích được vì sao phải bảo vệ sự đa dạng sinh học | - Vận dụng kiến thức đã học về dòng năng lượng trong tự nhiên để giải thích một số hiện tượng trong tự nhiên  - Thiết lập được một số chu trình sinh địa hóa đơn giản  - Vận dụng kiến thức về sự phân bố năng lượng để điều chỉnh kỹ thuật nuôi trồng phù hợp |
| 18 c âu= 5,625 điểm | 7 c âu= 2,1875 điểm | 5 c âu= 1,5625 điểm | 4 c âu= 1,25 điểm | 2 c âu= 0,6625điểm |
| Tổng: 32 câu= 10 điểm | 13 câu:4,0625 điểm  ( 40%) | 10 câu= 3,125điểm  (30%) | 6 câu=1,875 điểm  (20%) | 3 câu= 0,9375 điểm  (10%) |